

HỆ THỐNG NỘI DUNG ÔN TẬP

NHỮNG NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA CN MÁC-LÊNIN II

CHƯƠNG 4: HỌC THUYẾT GIÁ TRỊ

1/ Nền sản xuất hàng hóa

- K/n sản xuất hàng hóa
- Phân tích hai điều kiện tồn tại và phát triển nền sản xuất hàng hóa
- Chỉ ra mâu thuẫn cơ bản của sản xuất hàng hóa
- Nêu các ưu thế của sản xuất hàng hóa

2/ Hai thuộc tính của hàng hóa và các nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị hàng hóa

- K/n hàng hóa
- Nêu thuộc tính giá trị sử dụng của hàng hóa
- Phân tích cơ sở tạo nên giá trị hàng hóa là từ lao động của nhà sản xuất kết tinh trong hàng hóa, giá trị phản ánh quan hệ giữa các nhà sản xuất
- Trình bày k/n lượng giá trị hàng hóa và các nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị

3/ Nguồn gốc, bản chất và các chức năng của tiền

- Chỉ ra nguồn gốc của tiền là do sự trao đổi hàng hóa, nên cần một hình thái đo lường giá trị.
- Tóm lược 04 hình thái đo lường giá trị đã có trong lịch sử, từ hình thái giản đơn đến hình thái tiền tệ
- Nêu bản chất tiền tệ là hàng hóa đặc biệt được chọn là vật ngang giá duy nhất, nhấn mạnh là phải gắn liền với vàng
- Trình bày 5 chức năng của tiền, chú ý nhấn mạnh một số chức năng phải gắn liền với tiền vàng, bạc

4/ Vì sao tiền là hàng hóa đặc biệt

- Nêu bản chất tiền tệ
- Chỉ ra rằng tiền là một hàng hóa do lao động của con người tạo ra
- Nhấn mạnh tính chất đặc biệt của tiền, khác với hàng hóa thông thường (về nguồn gốc ra đời do lưu thông, về chức năng làm vật ngang giá, phương tiện cất trữ, phương tiện lưu thông trao đổi ...)

5/ Quy luật giá trị - quy luật cơ bản của sản xuất hàng hóa

- Trình bày nội dung quy luật, thể hiện trên 02 lĩnh vực: sản xuất và lưu thông
- Phân tích vai trò của quy luật giá trị, quyết định xu thế vận động của giá cả hàng hóa trên thị trường
- Nêu tác dụng của quy luật giá trị về kinh tế và xã hội
- Kết luận vai trò của quy luật giá trị là quy luật cơ bản của sản xuất hàng hóa

CHƯƠNG 5: HỌC THUYẾT GIÁ TRỊ THẶNG DƯ

6/ Sức lao động (một hàng hóa đặc biệt) và tiền công trong CNTB

- K/n hàng hóa sức lao động
- Chỉ ra 02 điều kiện để sức lao động trở thành hàng hóa
- Phân tích hai thuộc tính giá trị và giá trị sử dụng của sức lao động, khiến sức lao động trở thành hàng hóa đặc biệt
- Nêu bản chất tiền công trong CNTB là giá cả của hàng hóa sức lao động

7/ Nguồn gốc và bản chất giá trị thặng dư

- Chỉ ra công thức chung của tư bản là $T-H-T'$ (trong đó $T' > T$)

- Chỉ ra đặc điểm của quá trình sản xuất GTTD là sự tách rời giữa TLSX và SLĐ (Nhà tư bản sở hữu TLSX, còn SLĐ là của CN làm thuê cho nhà tư bản)
- Sử dụng tính chất đặc biệt của hàng hóa SLĐ (là có thể tạo nên giá trị mới lớn hơn bản thân giá trị SLĐ) để phân tích quá trình sản xuất và lưu thông là T-H-H'-T'. Từ đó, giá trị của H' > giá trị của H
- Trình bày 03 kết luận về giá trị thặng dư

8/ Các phương pháp sản xuất giá trị thặng dư

- Nêu công thức xác định tỷ suất GTTD và khối lượng GTTD, chỉ ra mục tiêu của các nhà tư bản là nâng cao tỷ suất giá trị thặng dư
- Nêu nội dung 02 phương pháp sản xuất giá thặng dư tuyệt đối và sản xuất giá trị thặng dư tương đối
- Chỉ ra điểm giống nhau (làm tăng trình độ bóc lột, tăng quy mô bóc lột ...)
- Chỉ ra điểm khác nhau (về tính chất, về quan hệ giai cấp, về điều kiện áp dụng ...)

9/ So sánh giá trị thặng dư siêu ngạch với giá trị thặng dư tuyệt đối, tương đối

- Nêu nội dung giá trị thặng dư siêu ngạch và giá trị thặng dư tuyệt đối, tương đối
- Chỉ ra điểm giống nhau (làm tăng tỷ suất giá trị thặng dư, tăng lợi nhuận ...)
- Chỉ ra điểm khác nhau (về tính chất, về quan hệ giai cấp, về tác dụng ...)

10/ Sự phân chia tư bản thành tư bản bất biến, tư bản khả biến và tư bản cố định, tư bản lưu động

- K/n tư bản bất biến, tư bản khả biến
- K/n tư bản cố định, tư bản lưu động
- Chỉ ra điểm giống nhau của hai sự phân chia (đều dựa trên tư bản ứng trước)
- Chỉ ra điểm khác nhau của hai sự phân chia (về cơ sở phân chia, về ý nghĩa sự phân chia, về lượng từng bộ phận tư bản ...)

11/ Quy luật tích lũy tư bản, tập trung tư bản

- K/n tích tụ tư bản, tập trung tư bản
- Chỉ ra điểm giống nhau (về tăng quy mô tư bản cá biệt ...)
- Chỉ ra điểm khác nhau (về quy mô tư bản xã hội, về quan hệ giai cấp ...)
- Trình bày biểu hiện mới

12/ Quy luật cấu tạo tư bản ngày càng tăng và vấn đề thất nghiệp trong CNTB

- Nêu các khái niệm về cấu tạo tư bản
- Trình bày quy luật cấu tạo tư bản C/V ngày càng tăng, từ đó chỉ ra nhu cầu nhân công có xu thế giảm
- Nhấn mạnh bản chất sở hữu tư nhân của CNTB, nên nhà tư bản tư nhân sẵn sàng sa thải CN
- Kết luận “thất nghiệp là người bạn đường của CNTB”

13/ Quy luật giá trị thặng dư - quy luật tuyệt đối của CNTB

- Nội dung quy luật
- Phân tích 4 cơ sở để quy luật GTTD trở thành quy luật tuyệt đối của CNTB
- Trình bày biểu hiện mới của quy luật GTTD (về quy mô, về quan hệ XH, về phương thức bóc lột ...)

14/ Sự hoạt động của quy luật giá trị và quy luật GTTD trong CNTB tự do cạnh tranh

- K/n lợi nhuận, chi phí, tỷ suất lợi nhuận
- K/n cạnh tranh giữa các ngành và tác dụng tạo nên tỷ suất lợi nhuận bình quân và lợi nhuận bình quân
- Kết luận trong CNTB tự do cạnh tranh (tức là tư bản được tự do di chuyển giữa các ngành) thì quy luật GTTD biểu hiện thành quy luật lợi nhuận bình quân
- Kết luận trong CNTB tự do cạnh tranh (tức là tư bản được tự do di chuyển giữa các ngành) thì quy luật giá trị biểu hiện thành quy luật giá cả sản xuất

CHƯƠNG 6: HỌC THUYẾT VỀ CHỦ NGHĨA TƯ BẢN ĐỘC QUYỀN

15/ Phân tích đặc điểm sự tập trung sản xuất và sự hình thành tổ chức độc quyền

- Phân tích các nguyên nhân (do cạnh tranh tự do, sự phát triển KHKT và sự khủng hoảng kinh tế)
- K/n tổ chức độc quyền
- Nêu các hình thức tổ chức độc quyền
- Chỉ ra biểu hiện mới của độc quyền

16/ Phân tích đặc điểm xuất khẩu tư bản

- Phân tích các nguyên nhân lịch sử (do tình trạng tư bản thừa và khai thác thuộc địa)
- K/n xuất khẩu tư bản (nhấn mạnh sự khác biệt giữa xuất khẩu tư bản với xuất khẩu hàng hóa)
- Nêu các hình thức xuất khẩu tư bản
- Chỉ ra biểu hiện mới của xuất khẩu tư bản

17/ Sự hoạt động của quy luật giá trị và quy luật giá trị thặng dư trong CNTB độc quyền

- Trình bày nội dung quy luật giá trị, quy luật giá trị thặng dư
- Chỉ ra quy luật giá cả độc quyền (độc quyền cao khi bán, thấp khi mua) là biểu hiện của quy luật giá trị khi có các tổ chức độc quyền thao túng thị trường
- Chỉ ra quy luật lợi nhuận độc quyền (do mua rẻ bán đắt) là biểu hiện của quy luật GTTD trong CNTB độc quyền
- Kết luận mâu thuẫn trong CNTB độc quyền ngày càng gay gắt, TBĐQ bóc lột cả 03 thành phần (CN, người tiêu dùng và TB nhỏ)

CHƯƠNG 7: SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN

18/ Nội dung của Cách mạng XHCN

- Nêu cơ sở khoa học và thực tiễn dẫn tới của Cách mạng XHCN
- K/n Cách mạng XHCN theo quan điểm của Lênin (nhấn mạnh điểm bắt đầu và kết thúc Cách mạng)
- Phân tích chi tiết các nội dung thực hiện Cách mạng XHCN (về kinh tế, về chính trị, về văn hóa tư tưởng, về phát triển con người)
- Chú ý chỉ ra nội dung nào là quan trọng nhất

19/ Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

- K/n giai cấp công nhân
- Trình bày nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân
- Phân tích điều kiện khách quan đã tạo nên sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân (về đặc điểm kinh tế xã hội, phương thức LĐSX và về đặc điểm chính trị xã hội ... đã tạo cho công nhân những điều kiện phù hợp mà không giai tầng nào khác có được)
- Chỉ ra điều kiện để giai cấp công nhân hoàn thành sứ mệnh lịch sử là có sự lãnh đạo của Đảng

CHƯƠNG 8: MỘT SỐ VẤN ĐỀ MANG TÍNH QUY LUẬT TRONG TIẾN TRÌNH CM XHCN

20/ Đặc trưng của nền dân chủ XHCN

- Nêu quan niệm về dân chủ và k/n nền dân chủ
- Phân tích các đặc trưng của nền dân chủ XHCN
 - + về cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội (chế độ công hữu, phân phối theo lao động ... => dân chủ về kinh tế)
 - + về kiến trúc thượng tầng chính trị xã hội (bản chất giai cấp công nhân, nguyên tắc tập trung dân chủ, giải phóng NDLĐ, đoàn kết vô sản quốc tế ...)
- Kết luận là về mục tiêu thì nền dân chủ XHCN tiến bộ vượt bậc vì giải phóng con người triệt để, còn về thực tiễn vẫn đang trong quá trình